

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 09-6-2022

“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Bầy

ông Trần Hữu Trung

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 20/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐ-ST ngày 19/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 6, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* chị Bùi Thị P, sinh năm: 1982 và anh Nguyễn Thái D, sinh năm: 1981; nơi ĐKHH TT: tổ 4B, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Gara ô tô Dũng Phương 59, khu Y, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; đều vắng mặt không có lý do.

3. *Người làm chứng:* anh Phạm Hữu T; sinh năm: 1970; địa chỉ: tổ 6, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng Q trình bày: ngày 16/6/2021, anh nhờ vợ chồng chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Thái D mua hộ xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic BKS 14A-205.78 mang tên người đăng ký là

Đặng Minh H với giá 270.000.000 đồng. Anh chuyển trước cho vợ chồng anh D 220.000.000 đồng, trong đó hai lần chuyển vào tài khoản của chị P và 01 lần đưa tiền mặt. Tuy nhiên, sau khi nhận xe chất lượng không như ý, anh đã trả lại xe cùng giấy tờ cho vợ chồng anh D. Vợ chồng anh D đồng ý nhận lại xe và trả trước cho anh 70.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng anh D còn thay dầu và sửa chữa xe trên hết 5.000.000 đồng. Đến ngày 04/11/2021, anh cùng vợ chồng anh D lập biên bản thỏa thuận xác nhận nội dung như anh trình bày ở trên và vợ chồng anh D cam kết sẽ trả anh số tiền còn lại 145.000.000 đồng trước ngày 30/11/2021. Tuy nhiên, quá thời hạn trên mặc dù đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh D chưa trả tiền cho anh. Do đó, anh khởi kiện buộc vợ chồng anh D, chị P trả cho anh 145.000.000 đồng. Anh không yêu cầu vợ chồng anh D phải trả lãi. Ngoài ra, anh Q còn khai chỉ giao dịch mua bán xe qua vợ chồng anh D, anh không biết người bán xe cho anh cũng như người đứng tên đăng ký xe.

* Quá trình tố tụng bị đơn chị Bùi Thị P thừa nhận do vợ chồng chị có ga ra ô tô, am hiểu về xe nên được anh Q nhờ tìm mua xe. Vợ chồng chị tìm được xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic BKS 14A-205.78 với giá 270.000.000 đồng của một người thanh niên mang xe đến ga ra sửa chữa. Anh Q đã chuyển cho chị 220.000.000 đồng và nhận xe cùng giấy tờ. Còn chị đã trả cho người thanh niên bán xe 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, sau đó anh Q không ưng nên trả lại xe. Vợ chồng chị cũng đã nhận lại tiền và trả xe cho người thanh niên bán xe. Đến nay chị đã trả lại cho anh Q 70.000.000 đồng cộng với 5.000.000 đồng tiền thay dầu, sửa xe, số tiền còn lại chưa trả là 145.000.000 đồng. Số tiền này chị chi tiêu vào việc cá nhân. Chị không quen biết người thanh niên bán xe cũng như người đứng tên đăng ký xe. Ngày 04/11/2021, vợ chồng chị và anh Q lập biên bản thỏa thuận xác nhận nội dung vợ chồng chị mua xe ô tô giúp anh Q, số tiền chưa trả và cam kết trả anh Q trước ngày 30/11/2021. Tuy nhiên đến nay, do dịch bệnh Covid làm ăn khó khăn nên vợ chồng chị chưa trả anh Q số tiền trên. Chị đề nghị anh Q tạo điều kiện cho vợ chồng chị mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, thời gian bắt đầu từ tháng 3/2022.

Bị đơn anh Nguyễn Thái D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt và không có quan điểm giải quyết vụ án.

* Người làm chứng anh Phạm Hữu T trình bày: anh là anh rể của anh Nguyễn Trọng Q. Anh được anh Q nói chuyện về việc nhờ vợ chồng anh D, chị P tìm mua xe ô tô giúp. Khi anh Q nhận xe có rủ anh và anh Nguyễn Văn Phùng (bạn anh) đi cùng. Tại ga ra ô tô Dũng Phương, anh Q giao 80.000.000đ cho chị P, còn chị P giao xe ô tô cho anh Q. Sau đó, anh được biết anh Q đã trả lại xe cho vợ chồng anh D vì chất lượng xe không như ý, nhưng vợ chồng anh D chưa trả đủ tiền cho anh Q. Anh còn nhiều lần đi cùng anh Q đến ga ra của vợ chồng anh D để lấy tiền, nhưng vợ chồng anh D viện nhiều lý do không trả tiền cho anh Q.

* Tại biên bản xác minh ngày 28/3/2022, anh Đặng Minh H cho biết năm 2016 anh mua ô tô nhãn hiệu Honda Civic BKS 14A-205.78. Đến tháng 3/2021 anh bán xe ô tô trên. Anh bán xe thông qua bạn bè giới thiệu và không viết giấy tờ mua bán nên anh không rõ tên tuổi và địa chỉ của người mua xe. Sau khi bán xe, không có ai liên hệ với anh để làm thủ tục sang tên. Anh không biết và không có quan hệ gì với anh Q, chị P và anh D.

* Chị Hoàng Thị Lệ G - vợ anh Nguyễn Trọng Q có đơn trình bày: việc mua bán xe ô tô do một mình anh Q quyết định, trực tiếp trao đổi, giao dịch với vợ chồng chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Thái D, chị không liên quan. Chị không có ý kiến và không có yêu cầu gì về việc anh Q khởi kiện.

* Ngày 08/4/2022, Tòa án mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên vợ chồng anh D, chị P vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Anh Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, anh trình bày anh là người trực tiếp trao đổi, giao dịch nhờ vợ chồng anh D, chị P tìm mua xe ô tô, không liên quan đến vợ anh. Đồng thời khẳng định anh nhờ cả hai vợ chồng anh D tìm mua xe, trong đó chủ yếu là nhờ anh D tìm và kiểm tra chất lượng xe vì anh D am hiểu về lĩnh vực này, còn chị P là người anh giao tiền. Anh không đồng ý cho vợ chồng anh D trả dần hàng tháng, vì vợ chồng anh D đã nhiều lần thất hứa với anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tổng tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, người làm chứng cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: áp dụng Điều 275, 278, 280, 288 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải trả số tiền 145.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Trọng Q khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thái D, chị Bùi Thị P trả lại số tiền 145.000.000 đồng. Anh D, chị P có nơi cư trú tại khu Yên Lâm 3, phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về kiện đòi tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều theo khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thái D và chị Bùi Thị P: anh D và chị P được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh D, chị P.

[2] Về nội dung:

Căn cứ tài liệu chứng cứ, lời khai của đương sự xác định ngày 16/6/2021 vợ chồng anh D, chị P mua giúp anh Q xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic BKS 14A-205.78 với giá 270.000.000 đồng. Anh Q chuyển trước cho vợ chồng anh D số tiền 220.000.000 đồng. Sau khi nhận xe do chất lượng không được như ý, anh Q trả lại xe cùng các giấy tờ cho vợ chồng anh D. Vợ chồng anh D đồng ý nhận lại xe và đã trả cho anh Q 70.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng anh D đã thay dầu và sửa chữa xe hết số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 04/11/2021, hai bên lập biên bản thỏa thuận xác nhận nội dung như trên và vợ chồng anh D cam kết trả anh Q số tiền còn lại là 145.000.000 đồng trước ngày 30/11/2021. Tuy nhiên, quá thời hạn cam kết vợ chồng anh D, chị P chưa trả anh Q số tiền này. Mặc dù chị P khai số tiền chưa trả anh Q chị chi tiêu vào việc cá nhân, nhưng không đưa ra được tài liệu chứng minh. Hơn nữa chị P khẳng định biên bản thỏa thuận lập ngày 04/11/2021 là cả hai vợ chồng chị cùng trực tiếp ký và cùng cam kết trả số tiền trên cho anh Q, còn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm giải quyết vụ án. Do đó, anh Q khởi kiện buộc vợ chồng chị P, anh D trả số tiền 145.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 288 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Anh Q không yêu cầu vợ chồng anh D trả lãi nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của anh Q được chấp nhận nên bị đơn anh D, chị P phải liên đới chịu 7.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 288, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng Q: buộc anh Nguyễn Thái D và chị Bùi Thị P liên đới trả cho anh Nguyễn Trọng Q số tiền 145.000.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: anh Nguyễn Thái D và chị Bùi Thị P phải liên đới chịu 7.250.000đ (bảy triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Trọng Q 3.625.000đ (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009265 ngày 27/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền